

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 572/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 7 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về con
chung, nợ chung, tranh chấp vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về con chung, nợ chung, tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Du V, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Chung Tuyết C, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị O, sinh năm: 1984; địa chỉ: Đường giao H, ấp 3, xã Q, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, các tài liệu khác trong quá trình tố tụng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm:

Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2020. Đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Q. Trong quá trình chung sống, ông Võ Du V và bà

Chung Tuyết C có 02 con chung là trẻ Võ Du H (sinh ngày 22/04/2021) và trẻ Võ Du N (sinh ngày 23/03/2023), hiện 02 trẻ đang chung sống cùng bà Chung Tuyết C tại Ấp B, xã H, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Tài sản chung không có. Nợ chung: Ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C có nợ chung 100.000.000 đồng với bà Đào Thị O. Ông Võ Du V đã thanh toán được 52.800.000 đồng, phần nợ còn lại 47.200.000 đồng. Ông Võ Du V yêu cầu bà Chung Tuyết C có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị O.

Ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, do bà Chung Tuyết C luôn có những khoản nợ không rõ nguồn gốc, dù ông V đã nhiều lần tha thứ nhưng bà C không thay đổi ảnh hưởng kinh tế, tinh thần nặng nề đến đời sống vợ chồng.

Ông Võ Du V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Du V yêu cầu ly hôn với bà Chung Tuyết C;

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Võ Du H (sinh ngày 22/04/2021) và trẻ Võ Du N (sinh ngày 23/03/2023), sau khi ly hôn ông Võ Du V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H, không yêu cầu bà Chung Tuyết C cấp dưỡng; bà Chung Tuyết C là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du N;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C có nợ chung 100.000.000 đồng với bà Đào Thị O. Đã thanh toán được 52.800.000 đồng, phần nợ còn lại 47.200.000 đồng. Ông Võ Du V yêu cầu bà Chung Tuyết C có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị O.

Phía bị đơn bà Chung Tuyết C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với ông Võ Du V; Về con chung: tôi đề nghị sau khi ly hôn, tôi được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H và trẻ Võ Du N; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Tôi và Ông Võ Du V có nợ chung 100.000.000 đồng với bà Đào Thị O. Đã thanh toán được 52.800.000 đồng, phần nợ còn lại 47.200.000 đồng. Tôi và ông Võ Du V cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị O.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Đào Thị O trình bày:

Tôi yêu cầu bà Chung Tuyết C và ông Võ Du V cùng có trách nhiệm thanh toán cho tôi số tiền 47.200.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm:

- Bản sao có chứng thực: Căn cước công dân ông Võ Du V; Trích lục kết hôn số 1031/2020/TLKH-BS ngày 03/12/2020; Giấy khai sinh trẻ Võ Du H, trẻ Võ Du N;

- Bản sao không có chứng thực: Giấy mượn tiền ngày 04/10/2022;

- Bản chính: Tờ cam kết ngày 23/4/2024; Đơn xin xác nhận mất giấy chứng nhận kết hôn;

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp gồm: Bản tự khai, Bản sao không có chứng thực căn cước công dân (đã được đối chiếu bản chính);

Tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp gồm: Đơn yêu cầu độc lập ngày 11/6/2024; Bản sao không có chứng thực: Căn cước công dân và Giấy mượn tiền ngày 04/10/2022 (đã được đối chiếu bản chính);

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Phiếu yêu cầu xác minh, Kết quả xác minh của Công an xã Q, huyện B

Những nội dung các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C cùng đồng ý ly hôn;

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Võ Du H (sinh ngày 22/04/2021) và trẻ Võ Du N (sinh ngày 23/03/2023).

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ vay tài sản: Ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C, bà Đào Thị O thống nhất số tiền nợ chưa thanh toán là 47.200.000 đồng.

Những nội dung các đương sự không thống nhất:

- Về con chung: Ông Võ Du V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H, không yêu cầu bà Chung Tuyết C cấp dưỡng; bà Chung Tuyết C là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du N. Còn bà Chung Tuyết C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H và trẻ Võ Du N, không yêu cầu ông Võ Du V cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ vay tài sản: Ông Võ Du V yêu cầu bà Chung Tuyết C có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị O số tiền 47.200.000 đồng. Còn bà Đào Thị O, bà Chung Tuyết C xác định bà Chung Tuyết C và ông Võ Du V cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Võ Du V trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Tuy nhiên nếu bà Chung Tuyết C đồng ý giao trẻ Võ Du H cho ông trực tiếp nuôi dưỡng thì ông sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị O một phần hai số tiền nợ mà bà O yêu cầu.

Bị đơn bà Chung Tuyết C trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị O trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập như đã trình bày tại tòa, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Du V: Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Du V được ly hôn với bà Chung Tuyết C. Về con chung: Giao cháu Võ Du H và cháu Võ Du N cho bà Chung Tuyết C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông V khi có yêu cầu. Về nợ chung: Buộc ông V và bà C cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 47.200.000đ cho bà O. Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình: Ông V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí nợ chung: Ông V và bà C phải chịu án phí dân sự đối với khoản nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ông Võ Du V khởi kiện yêu cầu đơn phương ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung với bà Chung Tuyết C, bà Đào Thị O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc giải quyết quan hệ vay tài sản với ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định giải quyết trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung, tranh chấp vay tài sản. Bà Chung Tuyết C là bị đơn có nơi cư trú tại huyện B. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về thời hiệu: Các bên không có yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[3] Về xác định những người tham gia tố tụng: Ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C, bà Đào Thị O thừa nhận quan hệ vay tài sản xuất phát từ việc ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C vay của bà Đào Thị O 100.000.000 đồng, theo Giấy mượn tiền ngày 04/10/2022 thì các bên tham gia giao dịch gồm có bên cho vay là bà Đào Thị O, còn bên vay là ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C. Ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C, bà Đào Thị O đều thừa nhận quan hệ vay tài sản này và thống nhất về số tiền đã giao, số tiền đã thanh toán, do đó Tòa án không đưa người làm chứng bà Lê Thị B vào tham gia tố tụng, và không xác minh tình trạng hôn nhân của bà Đào Thị O hay đưa chồng của bà Đào Thị O vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu bà O đang có chồng).

[4] Về thủ tục tố tụng: Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2024 của ông Võ Du V có yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ chung liên quan đến bà Đào Thị O, Tòa án đã thụ lý yêu cầu này của ông Võ Du V, theo đó yêu cầu mà ông Võ Du V yêu cầu là xác định phần nghĩa vụ của ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C trong số tiền còn nợ bà Đào Thị O. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Đào Thị O đã có Đơn yêu cầu độc lập yêu cầu giải quyết về quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh từ Giấy mượn tiền ngày 04/10/2022 và đã đóng tiền tạm ứng án phí, Tòa án nhân dân huyện B đã thụ lý yêu cầu độc lập này. Mặc dù, thời điểm Tòa án thụ lý là sau thời điểm đã kết thúc

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho các đương sự kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ vay tài sản. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử mà không mở lại một phiên họp khác để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ vay tài sản.

[5] Về nội dung:

[6] Các đương sự đã thống nhất về các vấn đề: Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C cùng đồng ý ly hôn; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ vay tài sản Ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C, bà Đào Thị O thống nhất số tiền chưa thanh toán cho bà Đào Thị O là 47.200.000 đồng. Do đó, đối với những nội dung này, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Đối với những vấn đề các đương sự chưa thống nhất, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

- Về quyền nuôi con chung: Ông Võ Du V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H và giao trẻ Võ Du N cho bà Chung Tuyết C trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không yêu cầu bà Chung Tuyết C cấp dưỡng. Còn bà Chung Tuyết C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H và trẻ Võ Du N, không yêu cầu ông Võ Du V cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con, các bên đều không có chứng cứ chứng minh việc bên còn lại không có đủ điều kiện nuôi con. Ông Võ Du V thừa nhận trẻ Võ Du H (sinh ngày 22/04/2021) và trẻ Võ Du N (sinh ngày 23/03/2023) hiện đang sống cùng với bà Chung Tuyết C tại địa chỉ Ấp B, xã H, huyện B, TP. Hồ Chí Minh, nay ông Võ Du V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H nhưng không chứng minh được căn cứ để xác định việc thay đổi người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Du H là có cơ sở. Hơn nữa, trẻ Võ Du H sinh ngày 22/4/2021, tính đến thời điểm xét xử thì trẻ Võ Du H mới hơn 03 năm 02 tháng tuổi, nên trẻ Võ Du H cần được sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; trẻ Võ Du H cần được ở cùng với em (là trẻ Võ Du N) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con. Do đó, trong trường hợp không có căn cứ để xác định bà Chung Tuyết C không có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các con thì yêu cầu của ông Võ Du V về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về quan hệ vay tài sản: Ông Võ Du V yêu cầu bà Chung Tuyết C có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị O số tiền nợ là 47.200.000 đồng. Còn bà Đào Thị O, bà Chung Tuyết C xác định bà Chung Tuyết C và ông Võ Du V cùng có trách nhiệm trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ phát sinh từ Giấy nhận nợ hình thành trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ chung của cả bà Chung Tuyết C và ông Võ Du V. Do đó, bà Chung Tuyết C và ông Võ Du V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị O số tiền 47.200.000 đồng (trong đó phần nghĩa vụ của bà Chung Tuyết C là 23.600.000 đồng, phần nghĩa vụ của ông Võ Du V là

23.600.000 đồng). Vì vậy yêu cầu độc lập của bà Đào Thị O là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ.

[8] Án phí: Trước khi mở phiên tòa, Ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và nợ chung nên ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn, ông Võ Du V phải chịu 75.000 đồng, bà Chung Tuyết C phải chịu 75.000 đồng án phí đối với yêu cầu xin ly hôn. Đối với quan hệ vay tài sản thì án phí mà ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C phải chịu tương ứng với phần nghĩa vụ mà đương sự phải thực hiện, cụ thể: ông Võ Du V phải chịu 1.180.000 đồng, bà Chung Tuyết C phải chịu 1.180.000 đồng án phí đối với phần nghĩa vụ của mình trong quan hệ vay tài sản với bà Đào Thị O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 37, 55, 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Khoản 1, Điều 6, Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Du V.

1.1. Ông Võ Du V và bà Chung Tuyết C tự nguyện ly hôn.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Võ Du H (sinh ngày 22/04/2021) và trẻ Võ Du N (sinh ngày 23/03/2023), sau khi ly hôn bà Chung Tuyết C được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Du H và trẻ Võ Du N, bà Chung Tuyết C không yêu cầu ông Võ Du V cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Chung Tuyết C và ông Võ Du V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị O số tiền 47.200.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đào Thị O.

Buộc bà Chung Tuyết C và ông Võ Du V phải liên đới trả cho bà Đào Thị O số tiền 47.200.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng) (trong đó phần nghĩa vụ của bà Chung Tuyết C là 23.600.000 đồng, phần nghĩa vụ của ông Võ Du V là 23.600.000 đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí:

Ông Võ Du V phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và chịu 1.180.000 (một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông Võ Du V đã nộp theo Biên lai số 0033753 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, ông Võ Du V còn phải nộp 955.000 đồng (chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Bà Chung Tuyết C phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và chịu 1.180.000 đồng (một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung.

Trả bà Đào Thị O số tiền tạm ứng án phí 1.080.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0004124 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Võ Du V, bà Chung Tuyết C, bà Đào Thị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Dũng